

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 291 /BHXH

Tân Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện BHYT
Học sinh, sinh viên năm học 2023-2024;
Cập nhật ĐDCN/CCCD theo Đề án 06
và cài đặt ứng dụng VssID

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q. TÂN BÌNH	
ĐẾN	Số: 206
	Ngày: 30/01/2024
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình

30/1/2024

Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình báo cáo tình hình thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 và việc cập nhật mã ĐDCN/CCCD của học sinh, sinh viên, số liệu tính đến ngày 19/01/2024 như sau:

1. Về thu BHYT học sinh, sinh viên:

- Nhìn chung, Nhà trường đều đã quan tâm triển khai tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT đến phụ huynh học sinh và tạo điều kiện thuận lợi để phụ huynh học sinh đăng ký tham gia cho con em mình. Một số trường đến nay đã đạt tỷ lệ tham gia 100%, bao gồm: Trường TH Lê Văn Sĩ (1.022/1.022 học sinh), Trường TH Sơn Cang (872/872 học sinh), Trường TH Nguyễn Thanh Tuyển (1.127/1.127 học sinh) ... Tuy nhiên vẫn còn nhiều trường có tỷ lệ tham gia thấp dẫn đến tỷ lệ tham gia BHYT học sinh trên địa bàn quận vẫn còn thấp so với mặt bằng chung như: Trường Trường TH Phú Thọ Hòa mới chỉ đạt 82,9% (833/1.005 học sinh); Trung Tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên quận Tân Bình đạt 83,5% (795/952 học sinh); Trường THCS Võ Văn Tần đạt 85,3% (1.476/1.730 học sinh)...

- Tổng số học sinh, sinh viên tham gia BHYT của toàn quận là 57.086 học sinh, đạt 96,68% trên tổng số 59.047 học sinh đang theo học tại các trường. Trong đó, số học sinh tham gia tại trường là 54.182 học sinh, 2.904 học sinh tham gia đối tượng khác. Tỷ lệ tham gia của toàn quận khá thấp so với chỉ tiêu được giao của năm học 2023-2024, (phải đạt tỷ lệ 100% học sinh, sinh viên tham gia BHYT).

- Đối với khối trường thuộc Phòng Giáo dục và đào tạo quản lý: tổng số học sinh tham gia BHYT là 45.684 học sinh, đạt 96,5% trên tổng số 47.319 học sinh theo học tại trường. Trong đó, số học sinh tham gia tại trường là 43.437 học sinh, 2.247 học sinh tham gia đối tượng khác.

2. Về thực hiện cập nhật thông tin số định danh cá nhân của học sinh, sinh viên vào dữ liệu tham gia BHYT và cài đặt ứng dụng VssID:

- Tính đến ngày 19/01/2024, Tổng số học sinh chưa được đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là 3.046/54.105 học sinh (chiếm tỷ lệ: 6%). Trong đó một

số trường có tỷ lệ chưa đồng bộ cao như: Trung Tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình còn 8/41 học sinh chưa được đồng bộ (chiếm tỷ lệ: 20%); Trường Tiểu Học, THCS Và THPT Thái Bình Dương còn 16/100 học sinh chưa được đồng bộ (chiếm tỷ lệ: 16%); Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở, Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ còn 37/243 học sinh chưa được đồng bộ (chiếm tỷ lệ: 15%); Trường TH Lạc Long Quân còn 70/488 học sinh chưa được đồng bộ (chiếm tỷ lệ: 14%); Trường TH Lê Thị Hồng Gấm còn 173/1.281 học sinh chưa được đồng bộ (chiếm tỷ lệ: 14%)

- Tổng số học sinh đã cài đặt ứng dụng VSSID là 16.282/54.105 học sinh (chiếm tỷ lệ: 30%). Trong đó một số trường có tỷ lệ cài đặt ứng dụng VSSID còn thấp như: Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở Tesla số lượng học sinh cài đặt là 5/63 học sinh (chiếm tỷ lệ: 8%); Trường TH Lạc Long Quân số lượng học sinh cài đặt là 45/488 học sinh (chiếm tỷ lệ: 9%); Trung Tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình số lượng học sinh cài đặt là 5/41 học sinh (chiếm tỷ lệ: 12%); Trường TH Sơn Cang số lượng học sinh cài đặt là 93/739 học sinh (chiếm tỷ lệ: 13%); Trường TH Phan Huy Ích số lượng học sinh cài đặt là 222/1.776 học sinh (chiếm tỷ lệ: 13%).

3. Nguyên nhân:

- Một số trường chưa thực sự quan tâm, đơn đốc thực hiện công tác thu BHYT học sinh, sinh viên; chưa phối hợp tốt với cơ quan BHXH để rà soát danh sách học sinh chưa tham gia để vận động tuyên truyền, danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn để vận động mạnh thường quân, nhà hảo tâm kịp thời hỗ trợ đóng.

- Nhận thức của một bộ phận không nhỏ phụ huynh học sinh về ý nghĩa nhân văn sâu sắc của chính sách BHYT chưa đầy đủ, còn có những nhận thức chưa đúng.

- Còn một số em học sinh chưa được cấp mã định danh cá nhân do đang trong thời gian bổ sung hồ sơ chờ duyệt cấp nên chưa được cập nhật vào dữ liệu.

4. Đề xuất, kiến nghị:

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận có văn bản chỉ đạo Hiệu trưởng các trường chú trọng, tăng cường thực hiện chính sách BHYT học sinh, sinh viên. Chỉ đạo các trường có tỷ lệ tham gia thấp có trách nhiệm tuyên truyền, vận động và đơn đốc phụ huynh đóng tiền; tiếp tục rà soát lập danh sách học sinh đã tham gia BHYT theo diện khác và lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chưa có thẻ BHYT gửi về BHXH quận để được hỗ trợ đóng và cấp thẻ để đạt tỷ lệ 100% học sinh tham gia BHYT theo chỉ tiêu của UBND quận giao. Nhà trường tiếp tục vận động, hướng dẫn phụ huynh học sinh cài đặt ứng dụng VssID cho học sinh, lập

danh sách bổ sung thông tin định danh cá nhân đối với các trường hợp học sinh, sinh viên chưa được đồng bộ dữ liệu thông tin định danh.

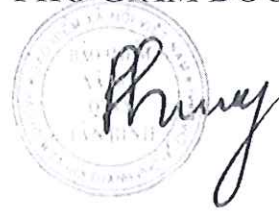
Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 tính đến ngày 19/01/2023 và kết quả phối hợp thực hiện đồng bộ mã ĐDCN/CCCD của học sinh, sinh viên trên địa bàn quận. Rất mong nhận được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp thực hiện./.

(Bảng Phụ lục số liệu chi tiết đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBND quận (để b/c);
- BHXH TP (để b/c);
- Tổ nghiệp vụ Thu-Sổ, thẻ;
- Lưu VT, Thu-ST (Luy).

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Lan Phương

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN TÂN BÌNH

BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BHYT HSSV

NĂM HỌC 2023-2024 (Tính đến 19/1/2024)

(Đính kèm công văn số 291 /BHXH ngày 30 tháng 1 năm 2024)

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	Tổng số HSSV tham gia BHYT				Tỷ lệ (%)	Số học sinh chưa tham gia
	Tên trường	Mã đơn vị	Cấp quản lý		70%	Tham gia khác	Tham gia HGD	Tổng		
1	Khối trường thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quận lý			47,319	43,437	2,208	39	45,684	96.5%	1,635
1	Trường TH Phú Thọ Hòa	BD00300	Phòng GD	1,005	808	25	-	833	82.9%	172
2	Trung Tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên quận Tân Bình	BD00710	Phòng GD	952	774	21	-	795	83.5%	157
3	Trường THCS Võ Văn Tần	BD00210	Phòng GD	1,730	1,456	20	-	1,476	85.3%	254
4	Trường TH Bình Giả	BD00180	Phòng GD	486	413	14	-	427	87.9%	59
5	Trường THCS Tân Bình	BD00250	Phòng GD	1,989	1,717	48	5	1,770	89.0%	219
6	Trường TH Ngọc Hồi	BD00380	Phòng GD	855	752	22	3	777	90.9%	78
7	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	BD00160	Phòng GD	2,872	2,425	252	-	2,677	93.2%	195
8	Trường THCS Trường Chinh	BD00090	Phòng GD	1,840	1,623	132	3	1,758	95.5%	82
9	Trường TH Phạm Văn Hai	BD00270	Phòng GD	566	530	10	1	541	95.6%	25
10	Trường THCS Ngô Quyền	BD00120	Phòng GD	2,300	2,172	26	4	2,202	95.7%	98
11	Trường TH Thân Nhân Trung	BD00650	Phòng GD	902	802	68	-	870	96.5%	32
12	Trường TH Trần Quốc Toản	BD00440	Phòng GD	1,559	1,484	34	-	1,518	97.4%	41
13	Trường TH Trần Văn Ôn	BD00360	Phòng GD	686	647	25	-	672	98.0%	14

STT	KHỐI QUẢN LÝ				Tổng số HSSV đang quản lý	Tổng số HSSV tham gia BHYT				Tỷ lệ (%)	Số học sinh chưa tham gia
	Tên trường	Mã đơn vị	Cấp quản lý			70%	Tham gia khác	Tham gia HGD	Tổng		
14	Trường tiểu học Phan Huy Ích	BD00870	Phòng GD		1,876	1,774	68	-	1,842	98.2%	34
15	Trường TH Tân Sơn Nhất	BD00060	Phòng GD		774	607	154	-	761	98.3%	13
16	Trường THCS Trần Văn Quang	BD00700	Phòng GD		1,092	1,034	32	8	1,074	98.4%	18
17	Trường TH Nguyễn Khuyến	BD00110	Phòng GD		1,099	1,056	22	3	1,081	98.4%	18
18	Trường TH Nguyễn Văn Kíp	BD00490	Phòng GD		1,224	1,176	30	-	1,206	98.5%	18
19	Trường TH Bạch Đằng	BD00350	Phòng GD		425	415	5	-	420	98.8%	5
20	Trường TH Bánh Ván Trần	BD00260	Phòng GD		1,315	1,272	28	-	1,300	98.9%	15
21	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	BD00290	Phòng GD		1,295	1,280	-	1	1,281	98.9%	14
22	Trường TH Tân Trụ	BD00500	Phòng GD		1,051	1,001	40	-	1,041	99.0%	10
23	Trường TH Hoàng Văn Thụ	BD00030	Phòng GD		1,275	1,204	60	-	1,264	99.1%	11
24	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	BD00200	Phòng GD		1,395	1,353	30	-	1,383	99.1%	12
25	Trường TH Cách Mạng Tháng Tám	BD00070	Phòng GD		750	711	33	-	744	99.2%	6
26	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	BD00010	Phòng GD		2,175	2,005	154	-	2,159	99.3%	16
27	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	BD00340	Phòng GD		1,783	1,697	77	-	1,774	99.5%	9
28	Trường TH Lạc Long Quân	BD00220	Phòng GD		496	488	6	-	494	99.6%	2
29	Trường TH Lương Thế Vinh	BD00610	Phòng GD		318	309	8	-	317	99.7%	1
30	Trường TH Trần Quốc Tuấn	BD00100	Phòng GD		1,232	1,081	148	-	1,229	99.8%	3
31	Trường THCS Quang Trung	BD00370	Phòng GD		1,010	977	29	2	1,008	99.8%	2
32	Trường THCS Trần Văn Đàng	BD00310	Phòng GD		556	537	18	-	555	99.8%	1

STT	KHỐI QUẢN LÝ				Tổng số HSSV đang quản lý	Tổng số HSSV tham gia BHYT				Tỷ lệ (%)	Số học sinh chưa tham gia
	Tên trường	Mã đơn vị	Cấp quản lý			70%	Tham gia khác	Tham gia HGD	Tổng		
33	Trường TH Yên Thế	BD00140	Phòng GD		1,222	1,158	63	-	1,221	99.9%	1
34	Trường TH Sơn Càng	BD00150	Phòng GD		872	739	133	-	872	100.0%	-
35	Trường TH Lê Văn Sĩ	BD00470	Phòng GD		1,022	956	66	-	1,022	100.0%	-
36	Trường TH Đổng Đa	BD00330	Phòng GD		828	779	49	-	828	100.0%	-
37	Trường TH Nguyễn Thanh Tuyển	BD00020	Phòng GD		1,127	1,038	89	-	1,127	100.0%	-
38	Trường THCS âu Lạc	BD00280	Phòng GD		1,325	1,221	104	-	1,325	100.0%	-
39	Trường THCS Lý Thường Kiệt	BD00400	Phòng GD		693	653	31	9	693	100.0%	-
40	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	BD00410	Phòng GD		879	852	27	-	879	100.0%	-
41	Trường TH Chi Lăng	BD00320	Phòng GD		468	461	7	-	468	100.0%	-
II	Khối trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý				10,058	9,147	618	-	9,765	97.1%	293
1	Trường TH-THCS & THPT Thái Bình Dương	BD00590	Sở GD-TH		279	149	7	-	156	55.9%	123
2	Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở Tesla	BD00880	Phòng GD		75	63	-	-	63	84.0%	12
3	Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở, Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ	BD00690	Sở GD-TH		282	243	4	-	247	87.6%	35
4	Trường THCS & THPT Bắc Ái	BD00620	Sở GD-TH		99	91	-	-	91	91.9%	8
5	Trường TH, THCS Và THPT Thanh Bình	BD00560	Sở GD-TH		1,103	1,030	43	-	1,073	97.3%	30
6	Trường THPT Thủ Khoa Huân	BD00660	Sở GD-TH		159	155	-	-	155	97.5%	4
7	Trường THCS & THPT Nguyễn Khuyến	BD00540	Sở GD-TH		1,468	1,281	154	-	1,435	97.8%	33
8	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	BD00670	Sở GD-TH		1,936	1,834	72	-	1,906	98.5%	30

STT	KHỐI QUẢN LÝ				Tổng số HSSV đang quản lý	Tổng số HSSV tham gia BHYT				Tỷ lệ (%)	Số học sinh chưa tham gia
	Tên trường	Mã đơn vị	Cấp quản lý			70%	Tham gia khác	Tham gia HGD	Tổng		
9	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	BD00680	Sở GD-TH		2,025	1,858	151	-	2,009	99.2%	16
10	Trường Trung Học Cơ Sở, Trung Học Phổ Thông Thái Bình	BD00550	Sở GD-TH		339	323	14	-	337	99.4%	2
11	Trung Tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	BD00230	Sở GD		130	41	89	-	130	100.0%	-
12	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	BD00600	Sở GD-TH		1,964	1,891	73	-	1,964	100.0%	-
13	Trường THCS & Trung Học Phổ Thông Việt Thanh	BD00630	Sở GD-TH		199	188	11	-	199	100.0%	-
III	Khối trường thuộc Bộ LĐTĐXH quản lý				1,670	1,598	39	-	1,637	98.0%	33
I	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH - CƠ SỞ 2	BD00900	Bộ LĐTĐXH		1,670	1,598	39	-	1,637	98.0%	33
TỔNG CỘNG					59,047	54,182	2,865	39	57,086	96.68%	1,961

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP.HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN TÂN BÌNH

BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH CẬP NHẬT SỐ ĐCCN
VÀ CÀI ĐẶT VSSID
NĂM HỌC 2023-2024 (Tính đến 19/01/2024)
(Đính kèm công văn số²⁹¹ /BHXH ngày³⁰ tháng 1 năm 2024)

STT	Đơn vị	Số lượng người đang tham gia	Số lượng người chưa đồng bộ với CSDL QG về DC		Số lượng người đã cài đặt VssID	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	BD0023O - Trung Tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	41	8	20%	5	12%
2	BD0059O - Trường Tiểu Học, THCS Và THPT Thái Bình Dương	100	16	16%	49	49%
3	BD0069O - Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở, Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ	243	37	15%	48	20%
4	BD0022O - Trường TH Lạc Long Quân	488	70	14%	45	9%
5	BD0029O - Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	1,281	173	14%	337	26%
6	BD0012O - Trường THCS Ngô Quyền	2,171	289	13%	712	33%
7	BD0071O - Trung Tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên quận Tân Bình	762	101	13%	157	21%
8	BD0027O - Trường TH Phạm Văn Hai	530	57	11%	156	29%
9	BD0007O - Trường TH Cách Mạng Tháng Tám	710	76	11%	175	25%
10	BD0038O - Trường TH Ngọc Hồi	752	78	10%	146	19%
11	BD0011O - Trường TH Nguyễn Khuyến	1,056	106	10%	237	22%
12	BD0062O - Trường THCS & THPT Bắc Ái	91	9	10%	32	35%
13	BD0020O - Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	1,350	131	10%	358	27%
14	BD0087O - Trường Tiểu Học Phan Huy Ích	1,776	163	9%	222	13%
15	BD0002O - Trường TH Nguyễn Thanh Tuyền	1,038	91	9%	167	16%
16	BD0006O - Trường TH Tân Sơn Nhất	607	53	9%	158	26%
17	BD0036O - Trường TH Trần Văn Ôn	647	55	9%	93	14%
18	BD0026O - Trường TH Bành Văn Trân	1,272	107	8%	270	21%
19	BD0044O - Trường TH Trần Quốc Toàn	1,484	124	8%	531	36%
20	BD0003O - Trường TH Hoàng Văn Thụ	1,204	97	8%	186	15%
21	BD0088O - Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở và Trung học phổ thông Tesla	63	5	8%	5	8%
22	BD0050O - Trường TH Tân Trụ	1,001	79	8%	185	18%
23	BD0030O - Trường Tiểu Học Phú Thọ Hòa	808	63	8%	147	18%
24	BD0090O - TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH - CƠ SỞ 2	1,598	108	7%	1,031	65%
25	BD0035O - Trường TH Bạch Đằng	411	27	7%	90	22%
26	BD0056O - Trường TH, THCS và THPT Thanh Bình	1,031	60	6%	232	23%
27	BD0021O - Trường THCS Võ Văn Tần	1,456	75	5%	355	24%
28	BD0049O - Trường TH Nguyễn Văn Kịp	1,176	58	5%	171	15%
29	BD0010O - Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	1,080	52	5%	271	25%
30	BD0025O - Trường THCS Tân Bình	1,717	80	5%	691	40%
31	BD0065O - Trường Tiểu Học Thân Nhân Trung	802	37	5%	122	15%
32	BD0018O - Trường TH Bình Giã	414	19	5%	120	29%
33	BD0031O - Trường THCS Trần Văn Đang	537	24	4%	119	22%
34	BD0001O - Trường THCS Ngô Sĩ Liên	2,005	85	4%	870	43%
35	BD0061O - Trường Tiểu Học Lương Thế Vinh	309	12	4%	120	39%
36	BD0066O - Trường THPT Thủ Khoa Huân	155	6	4%	50	32%

STT	Đơn vị	Số lượng người đang tham gia	Số lượng người chưa đồng bộ với CSDL QG về DC		Số lượng người đã cài đặt VssID	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
37	BD0055O - Trường Trung Học Cơ Sở và Trung Học Phổ Thông Thái Bình	323	11	3%	77	24%
38	BD0041O - Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	852	28	3%	176	21%
39	BD0060O - Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1,891	62	3%	664	35%
40	BD0014O - Trường TH Yên Thế	1,158	37	3%	190	16%
41	BD0009O - Trường THCS Trường Chinh	1,623	43	3%	633	39%
42	BD0032O - Trường TH Chi Lăng	461	12	3%	141	31%
43	BD0015O - Trường TH Sơn Càng	739	17	2%	93	13%
44	BD0016O - Trường THCS Hoàng Hoa Thám	2,425	48	2%	686	28%
45	BD0054O - Trường THCS & THPT Nguyễn Khuyến	1,281	21	2%	407	32%
46	BD0068O - Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	1,847	30	2%	577	31%
47	BD0067O - Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1,834	27	1%	985	54%
48	BD0028O - Trường THCS Âu Lạc	1,221	17	1%	271	22%
49	BD0040O - Trường THCS Lý Thường Kiệt	653	9	1%	357	55%
50	BD0070O - Trường THCS Trần Văn Quang	1,035	14	1%	337	33%
51	BD0037O - Trường THCS Quang Trung	977	12	1%	204	21%
52	BD0063O - Trường THCS & Trung Học Phổ Thông Việt Thanh	188	2	1%	49	26%
53	BD0047O - Trường TH Lê Văn Sĩ	956	10	1%	529	55%
54	BD0034O - Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	1,696	12	1%	845	50%
55	BD0033O - Trường Tiểu Học Đồng Đa	779	3	0%	398	51%
Tổng cộng		54,105	3,046	6%	16,282	30%